

Bản án số: 94/2019/DS-PT

Ngày: 17 – 7 – 2019

V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất
và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 133/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đồng Quốc N, sinh năm 1964; cư trú tại: Số nhà 68/35, đường Lê Văn Tám, khóm B, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phùng Văn O, sinh năm 1958; cư trú tại: Số nhà 33, ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thang Hồng D, sinh năm 1975 (Có mặt).

2. Ông Phùng Huy Đ, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Số nhà 33, ấp T, xã H, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ngân hàng HTX – Chi nhánh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số 32, đường Nguyễn Hùng Phước, phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Lê Duy H, phó trưởng phòng tín dụng doanh nghiệp và cá nhân (Văn bản ủy quyền ngày 11/7/2018). Ông H vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Đồng Quốc N là nguyên đơn.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 09/5/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đồng Quốc N trình bày:* Ông có miếng đất thổ cư đã được Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/2010, thửa 281, tờ bản đồ số 05, diện tích 710m², tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, cặp thửa đất của ông là nhà của bị đơn ông Phùng Văn O, trong quá trình sử dụng ông O đã có hành vi chiếm đất của ông ngang 02m, dài 02m, diện tích 04m². Bên cạnh đó, vào ngày 25/02/2014 khi ông thi công công trình xây dựng nhà máy kho dự trữ lúa, ông O đã có hành vi ngăn cản không cho ông thi công công trình 08 ngày, từ ngày 25/02/2014 đến ngày 03/3/2014 làm thiệt hại trong 08 ngày là 160.000.000 đồng tiền công trong tổng số hợp đồng xây dựng trị giá 6.029.000.000 đồng nhưng ông chỉ yêu cầu ông O bồi thường 40.000.000 đồng. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết Buộc ông O trả lại diện tích đất lấn chiếm diện tích là 04m², phần đất nằm trong diện tích 710m² thuộc thửa số 281, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Buộc ông O đền bù thiệt hại do ông O đã có hành vi ngăn cản ông thi công công trình bị thiệt hại do không xây dựng được và do ngưng thi công trong 08 ngày là 40.000.000 đồng.

Đến ngày 06/8/2015, ông Đồng Quốc N có đơn khởi kiện bổ sung và yêu cầu Tòa án giải quyết: Ngoài việc yêu cầu ông O trả lại diện tích đất 04m², phần đất nằm trong diện tích 710m² thuộc thửa số 281, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Nay ông khởi kiện bổ sung là yêu cầu ông O trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 5,4m² trong thửa 281, tờ bản đồ số 05, diện tích 710m² tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng. Đồng thời, buộc ông O trả lại cho ông phần đất phía sau nhà ông O giáp thửa 281, có diện tích 11m² trong tổng diện tích 2.563m² mà ông Trương Thành A đã chuyển nhượng cho ông vào năm 1996, đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng (Phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) nhưng tại phiên tòa ông N thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông O trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 13,34m², đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng (Phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

- *Theo bị đơn ông Phùng Văn O trình bày:* Phần đất phía sau nhà ông, gia đình ông đang tranh chấp với ông Đồng Quốc N là đất hành lang quản lý công nhưng gia đình ông đã ở và cất nhà từ năm 1979, trong quá trình ở ông có trồng cây để tránh sạt lở đất, trong quá trình sử dụng ông không hề có lấn đất của ông N, nhưng đến năm 2014 ông N có thi công công trình đào đất lấn qua đất của ông đang quản lý nhưng đã được chính quyền giải quyết cạm ranh và ông N vẫn tiến hành thi công công trình, sau khi chính quyền địa phương giải quyết việc tranh chấp đất xong ông

N còn đưa tiền cho ông xây dựng nhà vệ sinh trên phần đất của ông đang quản lý nhưng sau đó ông N lại kêu người đập bỏ, ông N cho rằng ông có hành vi chiếm đất của ông N là không đúng và trong quá trình thi công công trình ông không có hành vi ngăn cản việc ông N thi công công trình vì sau khi được chính quyền địa phương giải quyết ông N tiếp tục thi công công trình, khi thi công được một thời gian thì ngưng cho đến nay ông cũng không biết lý do gì. Qua yêu cầu của ông N thì ông không đồng ý, vì phần đất trên gia đình ông đã sử dụng ổn định từ năm 1979 cho đến nay và cũng không đồng ý bồi thường như ông N yêu cầu vì ông không có lỗi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thang Hồng D trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông Phùng Văn O, không có ý kiến gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng HTX – Chi nhánh Sóc Trăng trình bày:* Thửa đất 281, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng hiện nay đang được thế chấp tại Ngân hàng HTX – Chi nhánh Sóc Trăng để bảo đảm nợ vay của ông N, việc tranh chấp đất giữa ông N và ông O phía Ngân hàng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với ông N.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 đã quyết định:

Căn cứ khoản 6, 9 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 5,4m² trong thửa 281, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả phần diện tích đất phía sau nhà ông O (Giáp thửa 281) có diện tích 13,34m², đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại do ngưng thi công công trình 08 ngày là 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/12/2018, nguyên đơn ông Đồng Quốc N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 33/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông N không rút đơn khởi kiện và xin thay đổi một phần nội dung khởi kiện – kháng cáo, ông cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích 3,42m² (Không nằm trong thửa 281) + 15,32m² = 18,74m² nằm trong tổng diện tích đất 2.563m² có nguồn gốc là của ông Trương Thành A (Hiện nay đã chết), phần đất này ông A chưa đăng ký để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ nên không có sổ thửa; ông sử dụng cùng với ông A từ năm 1985, đến năm 1996 ông A chuyển nhượng lại cho ông, ông đăng ký diện tích 2.563m² nhưng Nhà nước bỏ phần

đất dề sông ra chỉ cấp giấy cho ông diện tích 1.560m² và ông quản lý sử dụng từ đó cho đến nay, nên ông yêu cầu ông O trả lại cho ông phần đất đang tranh chấp là 18,74m² phía sau nhà ông O nằm trong tổng diện tích 2.563m² và yêu cầu ông O bồi thường thiệt hại do di dời 02m ngang tranh chấp và do ngưng thi công công trình trong 08 ngày số tiền là 40.000.000 đồng; các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần đơn khởi kiện của ông N, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo và thay đổi nội dung kháng cáo của ông N; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phùng Huy Đ, ông Lê Duy Hải đều vắng mặt không rõ lý do, nên HĐXX căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của ông Đồng Quốc N là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu xin thay đổi một phần nội dung khởi kiện của ông Đồng Quốc N, ông cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích 3,42m² (Không nằm trong thửa 281) + 15,32m² = 18,74m² nằm trong tổng diện tích đất 2.563m² có nguồn gốc là của ông Trương Thành A chuyển nhượng cho ông, nên ông yêu cầu ông O trả lại cho ông phần đất tranh chấp có diện tích 18,74m² phía sau nhà ông O nằm trong tổng diện tích đất 2.563m². Xét thấy, theo quy định tại Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì nguyên đơn chỉ có quyền rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, việc ông N xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không được pháp luật cho phép, nên yêu cầu này của ông O không được HĐXX chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo và thay đổi một phần nội dung kháng cáo của ông Đồng Quốc N về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết buộc ông Phùng Văn O trả lại cho ông phần đất lấn chiếm có diện tích là 18,74m² phía sau nhà ông O, nằm trong tổng diện tích đất 2.563m² có nguồn gốc là của ông Trương Thành A, ông sử dụng cùng với ông A từ năm 1985, đến năm 1996 ông A chuyển nhượng lại cho ông, ông đăng ký diện tích 2.563m² nhưng Nhà nước bỏ phần đất dề sông ra chỉ cấp giấy cho ông diện tích 1.560m² và ông quản lý sử dụng từ đó cho đến nay. Thấy rằng, vào năm 1996 ông có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông A có

tổng diện tích 2.563m², vào năm 1996 ông N đăng ký và được cấp giấy chứng nhận diện tích 1.560m², thuộc thửa 281, tờ bản đồ số 05; đến năm 2001 ông xin cấp đổi lại giấy chứng nhận thửa 281, tờ bản đồ số 05, diện tích còn lại là 710m². Theo Công văn số 70/PTNMT, ngày 03/6/2019 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trần Đề xác định phần đất tranh chấp có diện tích 3,42m² (Liên kề với tường rào mới của ông N) thể hiện phía đông giáp với hành lang bảo vệ đê, nhưng từ chân đê tới ranh đất (Hàng rào ông N) đo được 14,86m (Tại vị trí có tranh chấp), thiếu 5,14m mới đủ 20m theo quy định, nên không thể khẳng định là diện tích tranh chấp này trong thửa 281. Từ đó, cho thấy phần đất tranh chấp 3,42m² và phần đất tranh chấp liền kề có diện tích 15,32m² vẫn nằm trong chỉ giới đê sông Mỹ Thanh, không nằm trong thửa 281 của ông N. Mặt khác, phần đất của ông A diện tích 2.563m², trước khi chuyển nhượng ông A chưa đăng ký để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, nên không có cơ sở để xác định phần đất có diện tích 2.563m² thuộc thửa số mấy, nằm ở vị trí nào, có bao gồm phần đất tranh chấp hay không. Tuy ông có cung cấp trích lục bản đồ địa chính năm 1996 và bản các thửa biến động (Dùng cho chỉnh lý biến động) cũng không thể hiện phần đất có diện tích 2.563m² nằm tới vị trí nào, phần đất tranh chấp có nằm trong tổng diện tích đất này hay không. Mặt khác, ông N cho rằng khi đăng ký cấp giấy chứng nhận với diện tích 2.563m², nhưng Nhà nước bỏ phần đất đê sông ra, nên chỉ cấp cho ông diện tích 1.560m² và theo Công văn số 70/PTNMT, ngày 03/6/2019 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trần Đề cũng chưa xác định phần đất còn lại của ông A nằm trong thửa đất nào (Chỉ có thể nằm trong thửa 948 và thửa 949), nên không có cơ sở để xác định phần đất tranh chấp có nằm trong tổng diện tích đất ông A chuyển nhượng cho ông N hay không. Mặc dù theo những người làm chứng gồm ông Trương Thanh C xác định phần đất tranh chấp có diện tích 18,74m² có nguồn gốc là của ông A chuyển nhượng cho ông N, nhưng ông C là anh vợ của ông N, nên lời khai của người này là không khách quan; còn bà Phạm Thị U thì xác định phần đất tranh chấp nằm trong thửa 281 do ông ngoại bà cho ông A, ông A chuyển nhượng cho ông N, nhưng phần đất tranh chấp không nằm trong thửa 281 và bà U cũng có mối quan hệ bà con với bên vợ của ông N; còn ông Nguyễn Tấn Z cho rằng phía sau nhà của ông O là đất trống, sau đó ông N cất làm kho che bằng tol, cột sắt, nhưng qua các lần thẩm định đất tranh chấp không có hiện trạng nhà của ông N trên đất tranh chấp như lời ông Z trình bày, nên lời trình bày của ông Z là không có cơ sở; còn ông Lương Hồng Y và bà Hồng Thị B thì từ chối cung cấp lời khai. Do đó, không có chứng cứ xác định phần đất tranh chấp có diện tích 18,74m² nằm trong tổng diện tích 2.563m² của ông A chuyển nhượng cho ông N, nên ông N yêu cầu ông O trả lại diện tích đất này là không có căn cứ, không được HĐXX chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của ông Đồng Quốc N về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết buộc ông Phùng Văn O bồi thường thiệt hại do di dời 02m ngang tranh chấp và do ngưng thi công trong 08 ngày số tiền là 40.000.000 đồng. Thấy rằng, khi phát sinh tranh chấp ông O có ngăn cản việc xây dựng công trình do ông N đầu tư xây dựng, nhưng do quá trình phát sinh tranh chấp chưa xác định được phần đất tranh chấp là của ai, nên hành vi ngăn cản của ông O không có lỗi, không phải là căn cứ làm phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặt khác, như nhận định tại mục [4] thì phần đất tranh chấp không phải là đất của ông N và công trình do ông

N đầu tư xây dựng đã bị dở dang, không thực hiện hoàn thành công trình, không đảm bảo mục đích sử dụng, nên việc ông N yêu cầu ông O bồi thường thiệt hại số tiền 40.000.000 đồng là không có cơ sở, nên không được HĐXX chấp nhận.

[6] Trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên từ cạnh phần đất bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N, nên cấp phúc thẩm bổ sung cho đầy đủ.

[7] Khi thẩm định tại chỗ ngày 27/3/2019 thì trên đất tranh chấp có nhà sau, máy che, nhà vệ sinh của ông O xây cất. Do yêu cầu trả đất của ông N không được chấp nhận nên không đặt ra việc xử lý tài sản trên đất.

[8] Về chi phí thêm xét, thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm: Tổng chi phí số tiền 4.894.000 đồng. Do yêu cầu kháng cáo của ông N không được chấp nhận, nên ông N phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và ông N đã nộp xong.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông N không được chấp nhận, nên ông N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần đơn khởi kiện của ông N, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo và thay đổi nội dung kháng cáo của ông N; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu xin thay đổi một phần nội dung khởi kiện và không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo và thay đổi một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Đồng Quốc N.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Án tuyên như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đồng Quốc N về việc yêu cầu bị đơn ông Phùng Văn O trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 18,74m² nằm trong tổng diện tích 2.563m² của ông Trương Thành A chuyển nhượng cho ông N, đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, có số đo từ cạnh như

sau: Hướng đông giáp với phần đất của ông Phùng Văn O đang quản lý sử dụng, có số đo 05m. Hướng tây giáp với phần đất ông Đồng Quốc N đang quản lý sử dụng, có số đo 3,55m. Hướng nam giáp công Thanh An 1, có số đo 2,06m + 1,33m + 1,45m. Hướng bắc giáp với thửa 948, có số đo 3,28m + 0,93m (Đính kèm sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất ngày 24/3/2016).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đồng Quốc N về việc yêu cầu bị đơn ông Phùng Văn O bồi thường thiệt hại do di dời 02m ngang tranh chấp và do ngưng thi công trong 08 ngày số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đồng Quốc N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002905 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, xem như ông N nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

4. Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Ông Đồng Quốc N phải chịu 4.894.000 đồng và đã nộp xong.

5. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm (Tại số 2 và 4 trong phần tuyên xử) không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Toàn